

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2017/HSPT

Ngày: 31/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Doãn Đình Quyền

2. Ông Nguyễn Huòn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2017/HSPT, ngày 26-6-2017 đối với bị cáo Phạm Thị Mỹ L và các bị cáo khác, về tội “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2017/HSST ngày 23-5-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị Mỹ L (tên gọi khác: H1), sinh năm 1970 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Ngọc V (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1934; bị cáo có chồng là Bùi Hữu N, sinh năm 1964 và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1992; tiền sự, tiền án: không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10-01-2017, đến ngày 19-01-2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Văn K (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1972; bị cáo có vợ và đã ly hôn, chưa có con; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10-01-2017, đến ngày 19-01-2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

3. Bùi Hữu N, sinh năm 1964 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1933 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1934; bị cáo có vợ là Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1970 và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1992; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Đỗ Văn H, sinh năm 1976 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Thôn Đ; xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Đỗ N (Đỗ C), sinh năm 1931 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; bị cáo có vợ là Nguyễn Bích P, sinh năm 1984 và có 01 con sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10-01-2017, đến ngày 19-01-2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện đang tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Hữu N1 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10-01-2017, Lê Hữu N1, Nguyễn Văn K và Đỗ Văn H đi đến quán tạp hóa của Phạm Thị Mỹ L, Bùi Hữu N ở thôn 3, xã H, thành phố B, để uống nước. Tại đây L, N, N1, H và K rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức chơi bài phỏm thì tất cả đồng ý. Trước khi đánh bạc, L, N, N1, H và K thỏa thuận N và L đánh chung một tụ, còn K, H và N1 mỗi người chơi riêng một tụ, mỗi người bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng để đấu chón và mỗi chón một người bỏ ra 40.000 đồng đóng tiền xâu cho N và L. Khi tham gia đánh bạc, N đem theo số tiền 1.960.000 đồng, L đem theo số tiền 4.760.000 đồng, N1 đem theo số tiền là 1.700.000 đồng, H đem theo số tiền là 4.000.000 đồng, K đem theo số tiền là 6.000.000 đồng và đều sử dụng hết để đánh bạc. L lấy tại quán tạp hóa của mình 02 bộ bài tây 52 lá/1 bộ, rồi đi vào phòng khách lấy một chiếc chăn vải màu đỏ, trải ra trên nền nhà phòng khách, để đánh bạc thắng thua bằng tiền, lúc này N ra trông quán tạp hóa. Sau khi L, N1, H và K đánh bạc được khoảng một giờ, thì L bị thua hết chón. Khi vào chón thứ hai, N vào thay L đánh bạc cùng với N1, H và K, khi N bị thua hết chón, thì L lại vào thế chỗ N đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, khi L, N, N1, H và K đang đánh bạc thắng thua bằng tiền thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang. Tạm giữ tại sòng bạc gồm: số tiền là 8.260.000 đồng

(trong đó có 240.000 đồng tiền xu); 01 chiếc chăn bằng vải màu đỏ và 02 bộ bài tây 52 lá. Tạm giữ trên người các con bạc các tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có số Imei 354838042921127 và 01 điện thoại di động hiệu Viettel, màu đỏ đen, có số Imei: 359429067749158 của Phạm Thị Mỹ L; số tiền 960.000 đồng của Bùi Hữu N; số tiền 5.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ, có số Imei 301014145971732 của Nguyễn Văn K; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có số Imei 356231048801261 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có số Imei: 359182055411683 của Lê Hữu N1; số tiền 4.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu VeGa màu đen trắng, có số Imei 356164051569402 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, có số Imei 352404055222127 của Đỗ Văn H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2017/HSST ngày 23-5-2017 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ), Đỗ Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10-01-2017 đến ngày 19-01-2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bùi Hữu N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K (Đ) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10-01-2017 đến ngày 19-01-2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 144 ngày 29-6-2016; Nghị quyết 109 ngày 27-11-2015 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10-01-2017 đến ngày 19-01-2017).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với Lê Hữu N1, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-5-2017 và 05-6-2017, các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ), Đỗ Văn H có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ) và Đỗ Văn H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ), Đỗ Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc cách ly các bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Đối với bị cáo L và bị cáo N đã tự nguyện nộp số tiền 8.100.000 đồng, là giá trị căn phòng khách nhà của bị cáo dùng làm nơi đánh bạc, việc nộp tiền của các bị cáo chỉ là thể hiện sự ăn năn hối cải, không phải khắc phục hậu quả, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L và bị cáo N là không đúng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1) 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm; bị cáo Bùi Hữu N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng; bị cáo Nguyễn Văn K (Đ) 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm; bị cáo Đỗ Văn H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ) và Đỗ Văn H không có ý kiến tranh luận bào chữa gì. Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai của các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ) và Đỗ Văn H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết

luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 10-01-2017, tại phòng khách của nhà bị cáo Phạm Thị Mỹ L và Bùi Hữu N ở thôn 3, xã H, thành phố B, các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ), Đỗ Văn H và Lê Hữu N1 đã cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài phỏm. Các bị cáo đánh bạc đến 13 giờ 15 phút cùng ngày, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 8.260.000 đồng và thu giữ trong người các con bạc số tiền dùng để đánh bạc là 10.160.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 18.420.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ), Đỗ Văn H, Lê Hữu N1 về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự, là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ) và Đỗ Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1) 01 năm tù, bị cáo Bùi Hữu N 09 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn K (Đ) 01 năm tù và bị cáo Đỗ Văn H 09 tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội và tại các phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; bị cáo Đỗ Văn H có cha, mẹ là người có công với cách mạng, cha mẹ bị cáo đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và hạng ba; sau khi phạm tội, bị cáo L và bị cáo N (là vợ chồng) đã thể hiện sự ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp số tiền 8.100.000 đồng, là giá trị căn phòng khách nhà của bị cáo dùng làm nơi đánh bạc. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ) và Đỗ Văn H, không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự theo dõi, giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt, có ích cho xã hội.

Sau khi phạm tội bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1) và bị cáo Bùi Hữu N đã tự nguyện nộp số tiền 8.100.000 đồng, là giá trị căn phòng khách nhà của bị cáo dùng làm nơi đánh bạc, việc các bị cáo nộp tiền chỉ là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, không phải là khắc phục hậu quả, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L và bị cáo N là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[3] Án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ), Đỗ Văn H được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (Đ) và Đỗ Văn H, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Mỹ L (tên gọi khác: H1) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bùi Hữu N 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn K (tên gọi khác: Đ) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (tên gọi khác: H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (tên gọi khác: Đ) cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là nơi các bị cáo thường trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Đỗ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, là nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa

phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí: Các bị cáo Phạm Thị Mỹ L (tên gọi khác: H1), Bùi Hữu N, Nguyễn Văn K (tên gọi khác: Đ) và Đỗ Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- T.H.A hình sự Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- UBND xã H, TP. B;
- UBND xã E, huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình